Chi tiết mã HS 9702.90.00

Mã HS	9702.90.00
Mô tả hàng hóa	Nguyên bản các bản khắc, bản in và bản in lytô / - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 15:29:06
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/97029000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19034
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19034
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q19034
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18299
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18228
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18228
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18228
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18228
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18228
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18228
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18284
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18284
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18284

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18284
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18284
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18284
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18285
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18285
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18285
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18285
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18285
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18285
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18290
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18247
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18242
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18242
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18242
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18242
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18242
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18242
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18290
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18290
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18290
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18290
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18290
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18290
VCFTA	2022	2022	0	VC!D18354
VCFTA	2023	2023	0	VC!E18354
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18354

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18354
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18354
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18354
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D18328
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E18328
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F18328
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G18328
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H18328
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I18328
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18321
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18321
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18321
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18321
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18321
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18321
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D18351
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18351
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18351
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18351
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18351
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18351
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18350
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18350
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18350
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18350
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18350

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18350
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18444
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18444
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18444
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18444
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18444
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18444
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18444
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18315
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18315
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18315
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18315
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18315
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18315
RCEP B	2022	2022	0	B!D18315
RCEP B	2023	2023	0	B!E18315
RCEP B	2024	2024	0	B!F18315
RCEP B	2025	2025	0	B!G18315
RCEP B	2026	2026	0	B!H18315
RCEP B	2027	2027	0	B!I18315
RCEP C	2022	2022	0	C!D18313
RCEP C	2023	2023	0	C!E18313
RCEP C	2024	2024	0	C!F18313
RCEP C	2025	2025	0	C!G18313
RCEP C	2026	2026	0	C!H18313
RCEP C	2027	2027	0	C!I18313

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D18312
RCEP D	2023	2023	0	D!E18312
RCEP D	2024	2024	0	D!F18312
RCEP D	2025	2025	0	D!G18312
RCEP D	2026	2026	0	D!H18312
RCEP D	2027	2027	0	D!I18312
RCEP E	2022	2022	0	E!D18317
RCEP E	2023	2023	0	E!E18317
RCEP E	2024	2024	0	E!F18317
RCEP E	2025	2025	0	E!G18317
RCEP E	2026	2026	0	E!H18317
RCEP E	2027	2027	0	E!I18317
RCEP F	2022	2022	0	F!D18315
RCEP F	2023	2023	0	F!E18315
RCEP F	2024	2024	0	F!F18315
RCEP F	2025	2025	0	F!G18315
RCEP F	2026	2026	0	F!H18315
RCEP F	2027	2027	0	F!I18315
VIFTA	2024	2024	0	VI!F17164
VIFTA	2025	2025	0	VI!G17164
VIFTA	2026	2026	0	VI!H17164
VIFTA	2027	2027	0	VI!I17164

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9702.90.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9702.90.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9702.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9702.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N19034), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.